

Bản án số: 08/2018/KDTM-PT

Ngày: 05-9-2018

V/v “Tranh chấp hợp đồng  
mua bán hàng hóa”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Châu.

*Các Thẩm phán:* Bà Đào Thị Huệ.

Ông Nguyễn Thành Hiếu.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Trà My – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu:** Bà Lê Thị Vẹn – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2018/TLPT-KDTM ngày 11 tháng 7 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2018/KDTM-ST ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 07/2018/QĐXXPT-KDTM ngày 07 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2018/QĐPT-KDTM ngày 21 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH Thương mại N; địa chỉ: Số A đường số B, phường A, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Bà Nguyễn Lê Yến L – Chức vụ: Giám đốc Công ty; địa chỉ: Số B đường T, phường T, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Thanh T, sinh năm 1978; địa chỉ Văn phòng luật sư: Phòng A Lầu B Tòa nhà V số A đường S, phường A, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ cư trú: Số nhà B đường T, phường C, Quận D, thành phố Hồ Chí Minh quyền “*Được ủy quyền theo Văn bản ủy quyền ngày 25 tháng 10 năm 2017*” (có mặt).

2. Bị đơn: Công ty TNHH H; địa chỉ: Khu Công nghiệp X, phường D, thành phố T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Mr.Y– Chức vụ: Tổng Giám đốc (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1979; địa chỉ: Số A, khu phố B, phường L, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Bà Nguyễn Thị Kim T – Trưởng phòng tổng vụ Công ty TNHH H (có mặt).

*“Được ủy quyền theo Văn bản ủy quyền ngày 31 tháng 8 năm 2017”.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*1. Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông Lê Thanh T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Năm 2016, Công ty TNHH H (Công ty H) nhiều lần đặt mua thiết bị của Công ty TNHH Thương mại N (Công ty N). Điều kiện thanh toán là sau 45 ngày kể từ ngày Công ty N xuất hóa đơn bán hàng cho Công ty H. Sau khi xuất hóa đơn hoàn tất thì vào ngày 05/01/2017, Công ty H chốt nợ với Công ty N số tiền là 1.683.506.000đồng. Tháng 6/2017, Công ty H đã chuyển trả cho Công ty N 200.000.000đồng. Số tiền còn lại 1.483.506.000đồng thì từ đó đến nay Công ty H không trả cho Công ty N. Nay Công ty N yêu cầu Công ty H phải trả số tiền 1.630.209.908đồng; trong đó nợ gốc là 1.483.506.000đồng và tiền lãi suất do chậm trả nợ là 146.703.908đồng.

Tiền lãi được tính trên số nợ gốc theo mức lãi trung bình cho vay của các Ngân hàng Vietcombank, Viettinbank và Sacombank cụ thể được tính như sau:

Tiền lãi suất là  $8\%/năm = 0,66\%/tháng$  tính từ ngày 05/01/2017 đến ngày 15/01/2018 là 12 tháng 10 ngày. Tiền lãi được tính:  $1.483.506.000đồng \times 0,66\% \times 12 \text{ tháng} + (1.483.506.000đồng \times 0,66\% \times 10 \text{ ngày } (1/3 \text{ tháng})) = 120.757.388đồng$ .

Tiền lãi suất là  $7\%/năm = 0,583\%/tháng$  tính từ ngày 16/01/2018 đến ngày 16/4/2018 là 03 tháng, được tính:  $1.483.506.000đồng \times 0,583\% \times 03 \text{ tháng} = 25.946.520đồng$ .

*2. Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Kim T là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:*

Công ty H xác nhận còn nợ Công ty N 1.483.506.000đồng tiền mua hàng nhưng chưa thanh toán cho Công ty N như người đại diện của Công ty N trình bày. Công ty H có trách nhiệm phải trả khoản nợ này cho Công ty N nhưng hiện tại Công ty H đang gặp khó khăn về kinh tế nên đề nghị Công ty N miễn cho Công ty H toàn bộ tiền lãi do chậm trả nợ.

*3. Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2018/KDTM-ST ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu đã tuyên như sau:*

Buộc Công ty TNHH H phải thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại N số tiền 1.630.209.908đồng; trong đó nợ gốc là 1.483.506.000đồng và tiền lãi suất do chậm trả nợ là 146.703.908đồng.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất phát sinh do chậm thi hành án, án phí sơ thẩm, hoàn trả tiền tạm ứng án phí sơ thẩm và thời hạn kháng cáo.

4. Ngày 12 tháng 6 năm 2018, Công ty TNHH H kháng cáo yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm với lý do sau:

Phần lãi suất Tòa án cấp sơ thẩm tính từ ngày 05/01/2017 là không đúng. Theo nội dung thư cam kết thanh toán giữa Công ty H với Công ty N thì lãi suất tính từ ngày 30/6/2017.

5. *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu:*

Việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của Công ty TNHH H; giữ nguyên Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2018/KDTM-ST ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa;*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **Về áp dụng pháp luật tố tụng:**

[1]. Công ty TNHH H vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm và ngày 29/5/2018 mới được tổng đạt bản án sơ thẩm. Ngày 12/6/2018, Công ty TNHH H nộp đơn kháng cáo là trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định tại các điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự và Công ty TNHH H đã nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 276 của Bộ luật tố tụng dân sự nên hợp lệ.

#### **Về nội dung:**

[2]. Người đại diện theo ủy quyền của Công ty N và người đại diện theo ủy quyền của Công ty H thừa nhận vào năm 2016, Công ty H mua thiết bị từ Công ty N chót nợ vào ngày 05/01/2017 thì Công ty H còn nợ của Công ty N số tiền là 1.683.506.000đồng. Tháng 6/2017, Công ty H đã chuyển trả cho Công ty N 200.000.000đồng; số tiền còn lại 1.483.506.000đồng thì Công ty H chấp nhận trả cho Công ty N. Về mức lãi suất do chậm trả nợ như bản án sơ thẩm thì Công ty H không có ý kiến gì.

Công ty H kháng cáo vì không chấp nhận thời gian tính lãi suất tính từ ngày 05/01/2017. Theo Công ty H thì thời gian tính lãi phải bắt đầu từ ngày 30/6/2017 với lý do là Công ty N đã đồng ý gia hạn thời gian thanh toán khi Công ty H có thư cam kết thanh toán. Công ty H đã phát hành Thư cam kết thanh toán số TV-GAS-OL-1706-024 ngày 10/6/2017 có nội dung xác định số nợ 1.683.506.000đồng và thời gian thanh toán là cuối tháng 6/2017. Công ty N đồng ý gia hạn đến cuối tháng 6/2017 và trong thời gian gia hạn thì không tính lãi cũng như các chi phí phát sinh nếu có. Công ty H đã trả cho Công ty N 200.000.000đồng; số nợ còn lại 1.483.506.000đồng chưa trả được vì hoàn cảnh kinh tế của Công ty H gặp khó khăn.

[3]. Xét về những nội dung mà Công ty H kháng cáo đối với bản án sơ thẩm:

Công ty N có cam kết gia hạn cho Công ty H trả hết nợ vào ngày 30/6/2017 và trong thời gian gia hạn thì Công ty H không phải trả lãi và các chi phí phát sinh nếu có với điều kiện là Công ty H phải trả đủ số tiền nợ nhưng Công ty H chỉ trả được 200.000.000đồng là vi phạm thời hạn thanh toán nên Công ty N yêu cầu Công ty H phải tính lãi trong thời gian gia hạn đối với số nợ chưa thanh toán là có căn cứ.

Theo cam kết tại phiếu đặt hàng địa phương thì 45 ngày + 15 ngày cho quy trình thanh toán sau khi nhận hàng hóa và hóa đơn nên thời gian sau 02 tháng kể từ ngày xuất hóa đơn mà chưa thanh toán là chậm thanh toán. Các hóa đơn mà Công ty N xuất cho Công ty H phần lớn là từ tháng 9/2016 trở về trước còn 03 hóa đơn xuất vào ngày 05/12/2016 có giá trị 94.400.000đồng vì thế Công ty N yêu cầu tính lãi từ ngày 05/01/2017 và bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này của Công ty N là có căn cứ.

[4]. Từ những phân tích, nhận định trên và theo đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của Công ty H đối với Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2018/KDTM-ST ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

[5]. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty H phải nộp 2.000.000đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Việc Tòa án cấp sơ thẩm thông báo cho Công ty H nộp tiền tạm ứng án phí Kinh doanh thương mại 300.000đồng là không đúng với Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án nên cần phải rút kinh nghiệm ngay.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 50, Điều 306 Luật thương mại; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của Công ty TNHH H đối với Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2018/KDTM-ST ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu; giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Buộc Công ty TNHH H phải thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại N số tiền là 1.630.209.908đồng (Một tỷ sáu trăm ba mươi triệu hai trăm không chín ngàn chín trăm không bảy đồng); trong đó nợ gốc là 1.483.506.000đồng và tiền lãi suất do chậm trả nợ là 146.703.908đồng.

*Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả thêm cho người được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.*

## 2. Về án phí:

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch: Công ty TNHH H phải chịu là 60.906.297đồng (Sáu mươi triệu chín trăm không sáu ngàn hai trăm chín mươi bảy đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch.

Hoàn trả lại cho Công ty TNHH Thương mại N 29.574.000đồng (Hai mươi chín triệu năm trăm bảy mươi bốn ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà Công ty TNHH Thương mại N đã nộp theo các biên lai thu số 0009834 ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty TNHH H phải nộp 2.000.000đồng (Hai triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà Công ty TNHH H đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu số 0002479 ngày 11 tháng 6 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu. Vì vậy, Công ty TNHH H phải nộp tiếp 1.700.000đồng (Một triệu bảy trăm ngàn đồng) án phí phúc thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

### **Nơi nhận:**

- TAND thành phố Vũng Tàu;
- VKSND thành phố Vũng Tàu;
- Chi cục THADS thành phố Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Tòa Kinh tế.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Minh Châu**